

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: Gói thầu số 03: Mua sắm trang phục tiêu chuẩn năm 2026 cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.
- Tên Dự toán: Mua sắm trang phục tiêu chuẩn năm 2026 cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.
- Chủ đầu tư: Công an tỉnh Phú Thọ.
- Nguồn vốn: NSNN.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh trong nước, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 30 ngày.
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý I/2026.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 45 ngày.
- Địa điểm thực hiện: Trụ sở Công an các xã và các phường thuộc Công an tỉnh Phú Thọ. Chi tiết theo bảng sau:

Stt	Đơn vị hành chính	TIÊU CHUẨN TRANG PHỤC NĂM 2026														
		Mũ mềm	Mũ bông	Mũ cứng	Mũ bảo hiểm	Quần áo thu đông	Áo ấm	Áo sơ mi	Áo dài tay	Quần áo xuân hè	Dây lưng	Giày da	Bít tất	Đẹp nhựa	Caravat	Quần áo đi mưa
1	PHƯỜNG ÂU CƠ	5	5	5	5	10	10	10	10	53	5	5	96	48	5	5
2	PHƯỜNG HOÀ BÌNH	0	278	0	0	0	0	0	0	278	0	0	556	278	0	0
3	PHƯỜNG KỶ SƠN	0	90	0	0	0	0	0	0	90	0	0	180	90	0	0
4	PHƯỜNG NÔNG TRANG	0	0	0	0	0	0	0	0	102	0	0	204	102	0	0
5	PHƯỜNG PHONG CHÂU	5	5	5	5	10	10	10	10	80	5	5	150	75	5	5
6	PHƯỜNG PHÚ THỌ	0	0	0	0	0	0	0	0	63	0	0	126	63	0	0
7	PHƯỜNG PHÚC YÊN	0	0	0	0	0	0	0	0	159	0	0	318	159	0	0
8	PHƯỜNG TÂN HOÀ	0	78	0	0	0	0	0	0	78	0	0	156	78	0	0
9	PHƯỜNG THANH MIẾU	17	17	17	17	34	34	34	34	161	17	17	288	144	17	17
10	PHƯỜNG THỐNG NHẤT	1	105	1	1	2	2	2	2	106	1	1	210	105	1	1
11	PHƯỜNG VĂN PHÚ	4	4	4	4	8	8	8	8	92	4	4	176	88	4	4
12	PHƯỜNG VIỆT TRÌ	13	13	13	13	26	26	26	26	150	13	13	274	137	13	13
13	PHƯỜNG VĨNH PHÚC	5	5	5	5	10	10	10	10	212	5	5	414	207	5	5
14	PHƯỜNG VĨNH YÊN	8	8	8	8	16	16	16	16	149	8	8	282	141	8	8
15	PHƯỜNG XUÂN HOÀ	2	2	2	2	4	4	4	4	117	2	2	230	115	2	2
16	XÃ BÌNH AN	0	109	0	0	0	0	0	0	109	0	0	218	109	0	0
17	XÃ AN NGHĨA	0	90	0	0	0	0	0	0	90	0	0	180	90	0	0
18	XÃ BẢN NGUYÊN	2	2	2	2	4	4	4	4	125	2	2	246	123	2	2
19	XÃ BẮNG LUÂN	6	6	6	6	12	12	12	12	99	6	6	186	93	6	6
20	XÃ BAO LA	0	72	0	0	0	0	0	0	72	0	0	144	72	0	0
21	XÃ BÌNH NGUYÊN	1	1	1	1	2	2	2	2	119	1	1	236	118	1	1
22	XÃ BÌNH PHÚ	7	7	7	7	14	14	14	14	115	7	7	216	108	7	7
23	XÃ BÌNH TUYÊN	7	7	7	7	14	14	14	14	79	7	7	144	72	7	7
24	XÃ BÌNH XUYỀN	2	2	2	2	4	4	4	4	100	2	2	196	98	2	2
25	XÃ CẨM KHÊ	1	1	1	1	2	2	2	2	210	1	1	418	209	1	1
26	XÃ CAO DƯƠNG	2	145	2	2	4	4	4	4	147	2	2	290	145	2	2

27	XÃ CAO PHONG	1	93	1	1	2	2	2	2	94	1	1	186	93	1	1
28	XÃ CAO SƠN	0	51	0	0	0	0	0	0	51	0	0	102	51	0	0
29	XÃ CHÂN MỘNG	0	0	0	0	0	0	0	0	198	0	0	396	198	0	0
30	XÃ CHI ĐÁM	1	1	1	1	2	2	2	2	118	1	1	234	117	1	1
31	XÃ CHỈ TIỀN	0	0	0	0	0	0	0	0	71	0	0	142	71	0	0
32	XÃ CỤ ĐỒNG	0	0	0	0	0	0	0	0	88	0	0	176	88	0	0
33	XÃ ĐÀ BẮC	0	102	0	0	0	0	0	0	102	0	0	204	102	0	0
34	XÃ ĐẠI ĐÌNH	0	0	0	0	0	0	0	0	75	0	0	150	75	0	0
35	XÃ ĐẠI ĐỒNG	0	129	0	0	0	0	0	0	129	0	0	258	129	0	0
36	XÃ DÂN CHỦ	0	0	0	0	0	0	0	0	105	0	0	210	105	0	0
37	XÃ ĐAN THUẬN	0	0	0	0	0	0	0	0	123	0	0	246	123	0	0
38	XÃ ĐẠO TRÙ	4	4	4	4	8	8	8	8	65	4	4	122	61	4	4
39	XÃ ĐÀO XÁ	0	0	0	0	0	0	0	0	128	0	0	256	128	0	0
40	XÃ ĐOAN HÙNG	1	1	1	1	2	2	2	2	118	1	1	234	117	1	1
41	XÃ ĐÔNG LƯƠNG	0	0	0	0	0	0	0	0	99	0	0	198	99	0	0
42	XÃ ĐÔNG THÀNH	0	0	0	0	0	0	0	0	118	0	0	236	118	0	0
43	XÃ ĐỨC NHÀN	4	51	4	4	8	8	8	8	55	4	4	102	51	4	4
44	XÃ DỪNG TIỀN	0	69	0	0	0	0	0	0	69	0	0	138	69	0	0
45	XÃ HẠ HOÀ	0	0	0	0	0	0	0	0	84	0	0	168	84	0	0
46	XÃ HẢI LỮ	0	0	0	0	0	0	0	0	135	0	0	270	135	0	0
47	XÃ HIỀN LƯƠNG	6	6	6	6	12	12	12	12	102	6	6	192	96	6	6
48	XÃ HIỀN QUAN	1	1	1	1	2	2	2	2	120	1	1	238	119	1	1
49	XÃ HOÀNG AN	2	2	2	2	4	4	4	4	85	2	2	166	83	2	2
50	XÃ HOÀNG CƯỜNG	3	3	3	3	6	6	6	6	129	3	3	252	126	3	3
51	XÃ HỘI THỊNH	0	0	0	0	0	0	0	0	87	0	0	174	87	0	0
52	XÃ HỢP KIM	0	69	0	0	0	0	0	0	69	0	0	138	69	0	0
53	XÃ HỢP LÝ	6	6	6	6	12	12	12	12	90	6	6	168	84	6	6
54	XÃ HÙNG VIỆT	0	0	0	0	0	0	0	0	117	0	0	234	117	0	0
55	XÃ HƯƠNG CĂN	0	0	0	0	0	0	0	0	93	0	0	186	93	0	0
56	XÃ HY CƯỜNG	0	0	0	0	0	0	0	0	69	0	0	138	69	0	0
57	XÃ KHẢ CỪU	2	2	2	2	4	4	4	4	107	2	2	210	105	2	2

58	XÃ KIM BÔI	2	115	2	2	4	4	4	4	117	2	2	230	115	2	2
59	XÃ LẠC LƯƠNG	2	108	2	2	4	4	4	4	110	2	2	216	108	2	2
60	XÃ LẠC SƠN	0	111	0	0	0	0	0	0	111	0	0	222	111	0	0
61	XÃ LẠC THỦY	4	119	4	4	8	8	8	8	123	4	4	238	119	4	4
62	XÃ LẠC ĐÔNG	1	1	1	1	2	2	2	2	94	1	1	186	93	1	1
63	XÃ LÂM THAO	4	4	4	4	8	8	8	8	91	4	4	174	87	4	4
64	XÃ LẬP THẠCH	2	2	2	2	4	4	4	4	137	2	2	270	135	2	2
65	XÃ LIÊN CHÂU	4	4	4	4	8	8	8	8	114	4	4	220	110	4	4
66	XÃ LIÊN HOÀ	0	0	0	0	0	0	0	0	65	0	0	130	65	0	0
67	XÃ LIÊN MINH	4	4	4	4	8	8	8	8	58	4	4	108	54	4	4
68	XÃ LIÊN SƠN	0	131	0	0	0	0	0	0	131	0	0	262	131	0	0
69	XÃ LONG CỐC	0	0	0	0	0	0	0	0	60	0	0	120	60	0	0
70	XÃ LƯƠNG SƠN	1	161	1	1	2	2	2	2	162	1	1	322	161	1	1
71	XÃ MAI CHÂU	0	111	0	0	0	0	0	0	111	0	0	222	111	0	0
72	XÃ MAI HẠ	0	47	0	0	0	0	0	0	47	0	0	94	47	0	0
73	XÃ MINH ĐÀI	0	0	0	0	0	0	0	0	120	0	0	240	120	0	0
74	XÃ MINH HOÀ	0	0	0	0	0	0	0	0	90	0	0	180	90	0	0
75	XÃ MƯỜNG BI	0	87	0	0	0	0	0	0	87	0	0	174	87	0	0
76	XÃ MƯỜNG ĐỘNG	0	105	0	0	0	0	0	0	105	0	0	210	105	0	0
77	XÃ MƯỜNG HOA	0	45	0	0	0	0	0	0	45	0	0	90	45	0	0
78	XÃ MƯỜNG THÀNG	2	110	2	2	4	4	4	4	112	2	2	220	110	2	2
79	XÃ MƯỜNG VANG	3	102	3	3	6	6	6	6	105	3	3	204	102	3	3
80	XÃ NẬP SƠN	0	116	0	0	0	0	0	0	116	0	0	232	116	0	0
81	XÃ NGỌC SƠN	0	48	0	0	0	0	0	0	48	0	0	96	48	0	0
82	XÃ NGUYỆT ĐỨC	10	10	10	10	20	20	20	20	105	10	10	190	95	10	10
83	XÃ NHÂN NGHĨA	0	84	0	0	0	0	0	0	84	0	0	168	84	0	0
84	XÃ PA CỎ	0	54	0	0	0	0	0	0	54	0	0	108	54	0	0
85	XÃ PHÚ KHÊ	0	0	0	0	0	0	0	0	102	0	0	204	102	0	0
86	XÃ PHÚ MỸ	0	0	0	0	0	0	0	0	80	0	0	160	80	0	0
87	XÃ PHÙ NINH	0	0	0	0	0	0	0	0	170	0	0	340	170	0	0
88	XÃ PHÙNG NGUYỄN	1	1	1	1	2	2	2	2	130	1	1	258	129	1	1

89	XÃ QUẢNG YÊN	0	0	0	0	0	0	0	0	92	0	0	184	92	0	0
90	XÃ QUY ĐỨC	0	60	0	0	0	0	0	0	60	0	0	120	60	0	0
91	XÃ QUYẾT THẮNG	2	113	2	2	4	4	4	4	115	2	2	226	113	2	2
92	XÃ SƠN ĐÔNG	0	0	0	0	0	0	0	0	128	0	0	256	128	0	0
93	XÃ SƠN LƯƠNG	2	2	2	2	4	4	4	4	134	2	2	264	132	2	2
94	XÃ SÔNG LÔ	0	0	0	0	0	0	0	0	108	0	0	216	108	0	0
95	XÃ TAM ĐẢO	0	0	0	0	0	0	0	0	129	0	0	258	129	0	0
96	XÃ TAM DƯƠNG	5	5	5	5	10	10	10	10	150	5	5	290	145	5	5
97	XÃ TAM DƯƠNG BẮC	0	0	0	0	0	0	0	0	122	0	0	244	122	0	0
98	XÃ TAM HỒNG	15	15	15	15	30	30	30	30	106	15	15	182	91	15	15
99	XÃ TAM NÔNG	0	0	0	0	0	0	0	0	102	0	0	204	102	0	0
100	XÃ TAM SƠN	1	1	1	1	2	2	2	2	94	1	1	186	93	1	1
101	XÃ TÂN LẠC	0	200	0	0	0	0	0	0	200	0	0	400	200	0	0
102	XÃ TÂN MAI	0	63	0	0	0	0	0	0	63	0	0	126	63	0	0
103	XÃ TÂN PHEO	0	55	0	0	0	0	0	0	55	0	0	110	55	0	0
104	XÃ TÂN SƠN	20	20	20	20	40	40	40	40	131	20	20	222	111	20	20
105	XÃ TÂY CỐC	0	0	0	0	0	0	0	0	102	0	0	204	102	0	0
106	XÃ TỀ LỖ	0	0	0	0	0	0	0	0	86	0	0	172	86	0	0
107	XÃ THÁI HOÀ	0	0	0	0	0	0	0	0	90	0	0	180	90	0	0
108	XÃ THANH BA	0	0	0	0	0	0	0	0	145	0	0	290	145	0	0
109	XÃ THANH SƠN	2	2	2	2	4	4	4	4	175	2	2	346	173	2	2
110	XÃ THANH THỦY	0	0	0	0	0	0	0	0	75	0	0	150	75	0	0
111	XÃ THỊNH MINH	0	86	0	0	0	0	0	0	86	0	0	172	86	0	0
112	XÃ THỎ TANG	0	0	0	0	0	0	0	0	99	0	0	198	99	0	0
113	XÃ THỌ VÂN	0	0	0	0	0	0	0	0	73	0	0	146	73	0	0
114	XÃ THU CÚC	0	0	0	0	0	0	0	0	51	0	0	102	51	0	0
115	XÃ THUNG NAI	0	59	0	0	0	0	0	0	59	0	0	118	59	0	0
116	XÃ THƯỢNG CỐC	0	84	0	0	0	0	0	0	84	0	0	168	84	0	0
117	XÃ THƯỢNG LONG	0	0	0	0	0	0	0	0	85	0	0	170	85	0	0
118	XÃ TIỀN LỮ	0	0	0	0	0	0	0	0	111	0	0	222	111	0	0
119	XÃ TIỀN LƯƠNG	0	0	0	0	0	0	0	0	162	0	0	324	162	0	0

120	XÃ TIỀN PHONG	0	41	0	0	0	0	0	0	41	0	0	82	41	0	0
121	XÃ TOÀN THẮNG	1	66	1	1	2	2	2	2	67	1	1	132	66	1	1
122	XÃ TRẠM THẠN	0	0	0	0	0	0	0	0	83	0	0	166	83	0	0
123	XÃ TRUNG SƠN	0	0	0	0	0	0	0	0	45	0	0	90	45	0	0
124	XÃ TU VŨ	0	0	0	0	0	0	0	0	173	0	0	346	173	0	0
125	XÃ VÂN BÁN	0	0	0	0	0	0	0	0	80	0	0	160	80	0	0
126	XÃ VĂN LANG	6	6	6	6	12	12	12	12	87	6	6	162	81	6	6
127	XÃ VĂN MIẾU	2	2	2	2	4	4	4	4	95	2	2	186	93	2	2
128	XÃ VÂN SƠN	2	78	2	2	4	4	4	4	80	2	2	156	78	2	2
129	XÃ VẠN XUÂN	0	0	0	0	0	0	0	0	139	0	0	278	139	0	0
130	XÃ VĨNH AN	0	0	0	0	0	0	0	0	71	0	0	142	71	0	0
131	XÃ VĨNH CHÂN	2	2	2	2	4	4	4	4	75	2	2	146	73	2	2
132	XÃ VĨNH HUNG	5	5	5	5	10	10	10	10	85	5	5	160	80	5	5
133	XÃ VĨNH PHÚ	0	0	0	0	0	0	0	0	145	0	0	290	145	0	0
134	XÃ VĨNH THÀNH	0	0	0	0	0	0	0	0	82	0	0	164	82	0	0
135	XÃ VĨNH TƯỜNG	0	0	0	0	0	0	0	0	121	0	0	242	121	0	0
136	XÃ VỖ MIẾU	0	0	0	0	0	0	0	0	147	0	0	294	147	0	0
137	XÃ XUÂN ĐÀI	8	8	8	8	16	16	16	16	89	8	8	162	81	8	8
138	XÃ XUÂN LĂNG	5	5	5	5	10	10	10	10	134	5	5	258	129	5	5
139	XÃ XUÂN LŨNG	0	0	0	0	0	0	0	0	111	0	0	222	111	0	0
140	XÃ XUÂN VIÊN	7	7	7	7	14	14	14	14	85	7	7	156	78	7	7
141	XÃ YÊN KỲ	2	2	2	2	4	4	4	4	83	2	2	162	81	2	2
142	XÃ YÊN LẠC	0	0	0	0	0	0	0	0	86	0	0	172	86	0	0
143	XÃ YÊN LĂNG	0	0	0	0	0	0	0	0	63	0	0	126	63	0	0
144	XÃ YÊN LẬP	1	1	1	1	2	2	2	2	127	1	1	252	126	1	1
145	XÃ YÊN PHÚ	2	84	2	2	4	4	4	4	86	2	2	168	84	2	2
146	XÃ YÊN SƠN	0	0	0	0	0	0	0	0	87	0	0	174	87	0	0
147	XÃ YÊN THUY	0	100	0	0	0	0	0	0	100	0	0	200	100	0	0
148	XÃ YÊN TRỊ	3	135	3	3	6	6	6	6	138	3	3	270	135	3	3
	Tổng Cộng	252	4.629	252	252	504	504	504	504	15.409	252	252	30.314	15.157	252	252

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

a) *Yêu cầu về kỹ thuật chung:* là các yêu cầu về chủng loại, tiêu chuẩn hàng hóa và các yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm, đóng gói, vận chuyển, điều kiện khí hậu tại nơi hàng hóa được sử dụng.

- Phạm vi công việc của nhà thầu chào hàng bao gồm (nhưng không hạn chế) các nội dung sau:

- Cung cấp 01 bộ trang phục mẫu bao gồm đầy đủ các hàng hóa theo yêu cầu của E-HSMT;

- Lập kế hoạch, thời gian chi tiết về triển khai lấy số đo may trang phục hợp lý và phù hợp với điều kiện biện pháp, tiến độ cung cấp trang phục đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của gói thầu.

- Biện pháp may đo trang phục, đóng gói thành phẩm hợp lý và phù hợp với điều kiện biện pháp, tiến độ cung cấp trang phục đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của gói thầu.

- Biện pháp tổ chức cung cấp, bàn giao hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công may đo, tiến độ cung cấp, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của gói thầu.

- Phương án trang bị và sử dụng thiết bị, phương tiện may, đo trang phục phù hợp với khối lượng và yêu cầu của E-HSMT.

- Bố trí nhân lực đảm bảo dịch vụ may đo trang phục.

- Các biện pháp bảo đảm an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện gói thầu.

- Các biện pháp đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ tại khu vực nhà xưởng.

- Các biện pháp bảo đảm chất lượng dịch vụ may đo trang phục; Kiểm tra và nghiệm thu bàn giao sản phẩm trước khi đưa vào sử dụng; hậu kiểm.

- Biện pháp đảm bảo thực hiện và duy trì hệ thống quản lý chất lượng và hệ thống quản lý môi trường.

- Cung cấp, vận chuyển hàng hóa tới địa điểm cung cấp:

- Bảo quản, nghiệm thu, bàn giao hàng hóa;

- Vận chuyển, may đo,... các hàng hóa theo đúng vị trí và yêu cầu của Chủ đầu tư;

- Bàn giao hàng hóa phải thỏa mãn các yêu cầu của E-HSMT. Chịu mọi chi phí nghiệm thu và vận chuyển hàng hóa;

- Chứng loại hàng hóa: Nhà thầu tham gia dự thầu phải chào đúng và đủ chủng loại, khối lượng hàng hoá nêu tại Bảng Phạm vi cung cấp hàng hóa thuộc Mẫu số 01A (webform trên Hệ thống) chương IV của E-HSMT; Hàng hoá được sản xuất chính hãng và xuất xứ rõ ràng, hợp pháp, từng chủng loại phải ghi rõ tên, mã hiệu, hãng, nước, năm sản xuất, các thông số kỹ thuật, chất lượng hàng hóa tuân thủ theo đúng yêu cầu của E-HSMT.

- Tiêu chuẩn chất lượng: mới 100%, chưa qua sử dụng theo yêu cầu cụ thể tiêu chuẩn chất lượng các hàng hóa quy định cụ thể ở Phần 1.2 thuộc Mục 1 chương này. Cụ thể:

+ Hàng hóa cung cấp phải có các đặc tính kỹ thuật, tiêu chí chất lượng đáp ứng với các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng được nêu trong E-HSMT, phải đảm bảo mới 100% (Thông số kỹ thuật yêu cầu tất cả các hàng hóa và vật liệu, vật tư sử dụng cho hàng hóa phải mới, chưa qua sử dụng, sử dụng toàn bộ các cải tiến mới nhất về thiết kế và vật liệu, trừ trường hợp có quy định cụ thể khác trong hợp đồng), sản xuất từ năm 2026 trở lại đây.

+ Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chất ổn định, an toàn của tất cả các hàng hóa trong suốt thời gian cung cấp, hoàn thiện gói thầu trong giai đoạn bảo hành và thực hiện chế độ hậu mãi.

+ Có chứng chỉ xuất xứ và chứng chỉ chất lượng (nếu có).

- Tài liệu kỹ thuật trong E-HSMT: Tất cả các hàng hóa được quy định trong phạm vi cung cấp nêu tại Mục 1 Chương V phải có Catalogue, tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất (hãng sản xuất) hoặc của đại lý được ủy quyền bán hàng hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương để chứng minh hàng hóa dự thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT; Catalogue, tài liệu kỹ thuật được sử dụng bằng Tiếng Anh hoặc Tiếng Việt; Trường hợp các tài liệu này bằng tiếng nước ngoài khác thì phải đính kèm bản dịch tiếng Việt và nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác nội dung bản dịch. Bản dịch tiếng Việt có thể dịch toàn bộ tài liệu hoặc tóm tắt nội dung nhưng phải chứng minh được hàng hoá đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Chương V của E-HSMT). Trường hợp trong catalogue không đầy đủ thông số theo yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu phải có xác nhận thông số kỹ thuật của nhà sản xuất (hãng sản xuất) hoặc của đại lý được ủy quyền bán hàng hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương để chứng minh.

- Bảo hành, bảo trì:

+ Thời gian bảo hành đối với các hàng hóa tại Mẫu số 01A (webform trên Hệ thống) chương IV của E-HSMT đáp ứng thời gian bảo hành tối thiểu đối với từng

danh mục hàng hóa tại Mục 1. Chương V và theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất/hãng sản xuất tính từ thời điểm nhà thầu nghiệm thu bàn giao cho đơn vị sử dụng tài sản.

- + Bảo hành hàng hóa theo hợp đồng;

- + Toàn bộ những trường hợp hàng hóa hỏng hóc do lỗi thiết kế hoặc chế tạo, hàng hóa hoạt động không đúng, không đủ công năng thiết kế sẽ được nhà thầu thay thế trong thời gian bảo hành và nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm chi trả các chi phí.

- + Nhà thầu có trách nhiệm tư vấn kỹ thuật miễn phí cho chủ đầu tư trong việc sửa chữa thay thế hàng hóa trong toàn bộ quãng đời của hàng hóa.

- Nhà thầu phải cung cấp các chứng chỉ cần thiết đối với hàng hóa và dịch vụ cung cấp như: Nguồn gốc xuất xứ rõ ràng (mã hiệu, hãng, nước, năm sản xuất), các thông số kỹ thuật, ...

- Hàng hóa được cung cấp tới địa điểm yêu cầu của E-HSMT phải trong dạng đóng gói của Nhà sản xuất; các thông số bên trong phải phù hợp với đặc tính kỹ thuật được thỏa thuận trong hợp đồng. Bất kỳ sự thay đổi nguồn gốc, chủng loại, quy cách kỹ thuật nào sẽ không được chấp thuận nếu không có sự đồng ý của Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.

- Nhà thầu phải đảm bảo có hàng hóa thay thế sẵn sàng cho hàng hóa cung cấp trong trường hợp hàng hóa cung cấp có sự cố để đảm bảo việc sử dụng không gián đoạn của toàn bộ hàng hóa.

- Nghiệm thu bàn giao

- + Công việc chỉ được coi là hoàn thành khi Nhà thầu nhận được biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

- + Mọi thủ tục nghiệm thu bàn giao được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật. Nhà thầu có quyền đưa vào trong đề xuất tài chính toàn bộ các chi phí cần thiết để đảm bảo cho mình hoàn thành công việc.

- + Nhà thầu bằng chi phí của mình phải chuẩn bị và nộp hồ sơ thanh toán theo quy định.

- + Nhà thầu chịu trách nhiệm bảo hành miễn phí bắt đầu từ ngày nghiệm thu hoàn thành bàn giao.

- Cung cấp phụ tùng thay thế: Nhà thầu có cam kết cung cấp phụ tùng/linh kiện thay thế ≥ 01 năm tại nơi sử dụng, kể từ ngày bàn giao nghiệm thu đưa vào sử dụng.

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể: Như tính năng, thông số kỹ thuật, các thông số bảo hành... được nêu cho từng loại hàng hóa. Khi nêu yêu cầu, các thông số kỹ thuật có thể được mô tả dưới hình thức bảng biểu.

Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu (nếu có) trong bảng Tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết dưới đây để minh họa cho các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng, sử dụng “tương đương” hoặc “ưu việt hơn” so với các yêu cầu tối thiểu. Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa và các dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn sau đây:

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật
1	Mũ mềm (Huy hiệu cài mũ)	- Chất liệu: May bằng vải Vải gabadin màu cỏ úa ánh nâu, kiểu dệt chéo 2/1. Thành phần sợi tỷ lệ Pes/Vis 65/35 $\pm$ 2%; Trọng lượng: 220gr/m² - 3% đến +5%; Mật độ sợi dọc 285/10cm - 3% đến +5%; Sợi ngang 220/10cm - 3% đến +5%; Độ bền kéo đứt vải: Theo chiều dọc $\geq$ 1200N; Theo chiều ngang $\geq$ 800N; Độ bền màu giặt ở 60°C thay đổi màu cấp 4, dây màu cấp 4; Độ bền màu ánh sáng nhân tạo cấp 5. Độ thay đổi kích thước sau giặt ở 60°C theo chiều dọc $\pm$2,5%, theo chiều ngang $\pm$1,5% - Kiểu dáng: Mũ màu cỏ úa ánh nâu, cứng cuộn vành; cốt mũ được sản xuất từ bột giấy hoặc bột gỗ, sử dụng vải may quần áo để may lớp bên ngoài; trong lòng mũ được sơn chống thấm; mũ gồm các bộ phận chính: cốt mũ (mép cuộn), vải lọc, quai, cầu và chỏm mũ. - Huy hiệu: Bằng đồng vàng tằm liền một khối, có kích thước cao 42 mm, rộng 52 mm; giữa huy hiệu là biểu tượng hình lá chắn; phía trên nền huy hiệu ở giữa có hình thanh kiếm và ngôi sao năm cánh màu vàng nổi trên nền đỏ; hai bên màu xanh có hình bông lúa nổi màu vàng; phía dưới nền huy hiệu là hình nửa bánh xe và hình cuộn thư màu vàng, trên nền cuộn thư có chữ “BẢO VỆ ANTT” màu đỏ; bao quanh hai bên biểu tượng có cảnh tùng kếp màu vàng. - Chi tiết mẫu Huy hiệu tại Phụ lục II Kèm theo Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ.
2	Mũ cứng (Huy hiệu cài mũ)	- Chất liệu: May bằng vải Vải gabadin màu cỏ úa ánh nâu, kiểu dệt chéo 2/1. Thành phần sợi tỷ lệ Pes/Vis 65/35 $\pm$ 2%; Trọng lượng: 220gr/m² - 3% đến +5%; Mật độ sợi dọc 285/10cm - 3% đến +5%; Sợi ngang 220/10cm - 3% đến +5%; Độ bền kéo đứt vải: Theo chiều dọc $\geq$ 1200N; Theo chiều ngang $\geq$ 800N; Độ bền màu giặt ở 60°C thay đổi màu cấp 4, dây màu cấp 4; Độ bền màu ánh sáng nhân tạo cấp 5. Độ thay đổi kích thước sau giặt ở 60°C theo chiều dọc $\pm$2,5%, theo chiều ngang $\pm$1,5% - Cấu tạo mũ: Mặt mũ làm bằng nhựa cứng, quả mũ gồm bốn

		mảnh, phong mũ có lót, trán mũ có ô dề để gắn huy hiệu; hai bên mang mũ mỗi bên có ba ô dề thoát khí; phía trong chân cầu may bằng vải giả da; phía sau mũ có dây điều chỉnh. Chi tiết mẫu mũ mềm tại Phụ lục I Kèm theo Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ. - Huy hiệu: + Huy hiệu bằng đồng vàng tằm liền một khối, có kích thước cao 42 mm, rộng 52 mm; + Giữa huy hiệu là biểu tượng hình lá chắn; + Phía trên nền huy hiệu ở giữa có hình thanh kiếm và ngôi sao năm cánh màu vàng nổi trên nền đỏ; + Hai bên màu xanh có hình bông lúa nổi màu vàng; + Phía dưới nền huy hiệu là hình nửa bánh xe và hình cuộn thư màu vàng, trên nền cuộn thư có chữ “BẢO VỆ ANTT” màu đỏ; bao quanh hai bên biểu tượng có cảnh tùng kép màu vàng. - Chi tiết mẫu Huy hiệu tại Phụ lục II Kèm theo Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ.
3	Mũ bông	- Chất liệu: May bằng vải gabadin màu cỏ úa ánh nâu, kiểu dệt chéo 2/1. Thành phần sợi tỷ lệ Pes/Vis 65/35 ± 2%; Trọng lượng: 220gr/m² - 3% đến +5%; Mật độ sợi dọc 285/10cm - 3% đến +5%; Sợi ngang 220/10cm - 3% đến +5%; Độ bền kéo đứt vải: Theo chiều dọc ≥ 1200N; Theo chiều ngang ≥ 800N; Độ bền màu giặt ở 60°C thay đổi màu cấp 4, dây màu cấp 4; Độ bền màu ánh sáng nhân tạo cấp 5. Độ thay đổi kích thước sau giặt ở 60°C theo chiều dọc ±2,5%, theo chiều ngang ±1,5% - Kiểu dáng: Mũ màu cỏ úa ánh nâu, may kiểu ba múi, ba lớp, lớp ngoài may bằng vải chính, lớp bông may chần hình trám vào vải lót; lưỡi trai may lật lên phía trên tại hai góc được đính vào đường may đỉnh mũ, may che tai và gáy; dây buộc phía dưới cằm; giữa lưỡi trai tán ô dề để gắn huy hiệu; mỗi bên mang tai tán ba ô dề để thoát khí. - Huy hiệu: Bằng đồng vàng tằm liền một khối, có kích thước cao 42 mm, rộng 52 mm; giữa huy hiệu là biểu tượng hình lá chắn; phía trên nền huy hiệu ở giữa có hình thanh kiếm và ngôi sao năm cánh màu vàng nổi trên nền đỏ; hai bên màu xanh có hình bông lúa nổi màu vàng; phía dưới nền huy hiệu là hình nửa bánh xe và hình cuộn thư màu vàng, trên nền cuộn thư có chữ “BẢO VỆ ANTT” màu đỏ; bao quanh hai bên biểu tượng có cảnh tùng kép màu vàng.

		- Chi tiết mẫu Huy hiệu tại Phụ lục II Kèm theo Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ.
4	Mũ hiểm	Kiểu dáng, chất liệu: Mũ màu cỏ úa; vành mũ ngang tai, có kính che mặt; logo “BVANTT” cách điệu ở mặt mũ và sau gáy màu vàng, có phản quang; trong lòng mũ đệm xốp màu trắng, lót trong bằng vải nỉ màu đen, đỉnh đầu có lưới thoát khí; giữa quai mũ có đệm cầm, đầu dây quai gắn khóa. Đáp ứng với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy QCVN 2:2021/BKHCN được ban hành theo Thông tư số 04/2021/TT-BKHCN ngày 51 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (Trường hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy có sự thay đổi thì áp dụng theo Quy chuẩn hiện hành)
5	Quần áo xuân hè	- Chất liệu: May bằng vải Vải gabadin màu cỏ úa ánh nâu, kiểu dệt chéo 2/1. Thành phần sợi tỷ lệ Pes/Vis 65/35 ± 2%; Trọng lượng: 220gr/m² - 3% đến +5%; Mật độ sợi dọc 285/10cm - 3% đến +5%; Sợi ngang 220/10cm - 3% đến +5%; Độ bền kéo đứt vải: Theo chiều dọc ≥ 1200N; Theo chiều ngang ≥ 800N; Độ bền màu giặt ở 60°C thay đổi màu cấp 4, dây màu cấp 4; Độ bền màu ánh sáng nhân tạo cấp 5. Độ thay đổi kích thước sau giặt ở 60°C theo chiều dọc ±2,5%, theo chiều ngang ±1,5% Chi tiết kiểu dáng, thiết kế bộ quần áo như sau: - Áo xuân hè ngắn tay dành cho Nam: + Áo kiểu bludông, cổ đứng; + Thân trước may hai túi ngực ốp ngoài, nắp túi sồi nhọn cài cúc; + Nẹp áo có một hàng cúc tám chiếc bằng nhựa cùng màu áo; + May bật vai, cuối bật vai thêu hai bông lúa chéo cuống màu vàng, trong lòng hai bông lúa thêu ngôi sao vàng năm cánh; + Thân sau may chắp cầu vai, mỗi bên xếp một ly. + Áo ngắn tay, cửa tay may lật ra ngoài. Đai áo thân trước và thân sau mỗi bên xếp một ly, mỗi bên sườn đính hai cúc nhựa. + Phù hiệu lực lượng gắn trên cánh tay trái áo. <i>(Phù hiệu có hình lá chắn cao 90 mm, rộng 75mm; phía trên nền phù hiệu có hàng chữ “BẢO VỆ AN NINH TRẬT TỰ”; phía dưới nền phù hiệu có hình hai bông lúa xếp chéo cuống; nền phù hiệu màu xanh lục; chữ, đường viền phù hiệu và bông lúa màu vàng).</i> - Quần xuân hè dành cho Nam: + Quần kiểu cạp rời, hai túi sườn chéo; + Thân trước mỗi bên xếp hai ly lật về phía dọc quần; + Cửa quần may khóa kéo; cạp quần may sáu đĩa;

		+ Thân sau mỗi bên may một chiết, bỏ hai túi viền. - Áo xuân hè ngắn tay dành cho Nữ: + Áo may kiểu sơ mi, chiết ly, cổ bẻ; + Thân trước may hai túi dưới ốp ngoài, miệng túi chéo; + Nẹp áo có một hàng cúc năm chiếc bằng nhựa cùng màu áo; + May bật vai, cuối bật vai thêu hai bông lúa chéo cuống màu vàng, trong lòng hai bông lúa thêu ngôi sao vàng năm cánh; + Thân sau may chắp sống lưng. + Áo ngắn tay may kiểu bán mang, cửa tay may lật ra ngoài. Phù hiệu lực lượng gắn trên cánh tay trái áo. - Quần xuân hè dành cho Nữ: + Quần kiểu cạp rời, hai túi sườn chéo; + Thân trước mỗi bên xếp hai ly lật về phía dọc quần; + Cửa quần may khoá kéo; thân sau mỗi bên may một chiết; + Cạp quần may sáu địa. Chi tiết mẫu quần áo xuân hè tại Phụ lục I Kèm theo Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ. - Phù hiệu: + Phù hiệu có hình lá chắn cao 90 mm, rộng 75 mm; + Phía trên nền phù hiệu có hàng chữ: “BẢO VỆ AN NINH TRẬT TỰ”; + Phía dưới nền phù hiệu có hình hai bông lúa xếp chéo cuống; + Nền phù hiệu màu xanh lục; chữ, đường viền phù hiệu và bông lúa màu vàng. - Chi tiết mẫu Phù hiệu tại Phụ lục II Kèm theo Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ
6	Áo xuân hè dài tay	* Vải may áo Xuân hè Nam; Nữ sử dụng vải Gabadin màu cỏ úa ánh nâu, kiểu dệt chéo 2/1. Thành phần sợi tỷ lệ Pes/Vis 65/35 ± 2%; Trọng lượng: 220gr/m² - 3% đến +5%; Mật độ sợi dọc 285/10cm - 3% đến +5%; Sợi ngang 220/10cm - 3% đến +5%; Độ bền kéo đứt vải: Theo chiều dọc ≥ 1200N; Theo chiều ngang ≥ 800N; Độ bền màu giặt ở 60°C thay đổi màu cấp 4, dây màu cấp 4; Độ bền màu ánh sáng nhân tạo cấp 5. Độ thay đổi kích thước sau giặt ở 60°C theo chiều dọc ±2,5%, theo chiều ngang ±1,5% - Áo xuân hè dài tay Nam: Áo kiểu bludong, cổ đứng; thân trước may hai túi ngực ốp ngoài, nắp túi sồi nhọn cài cúc; nẹp áo có một hàng cúc tám chiếc bằng nhựa cùng màu áo; may bật vai, cuối bật vai thêu hai bông lúa chéo cuống màu vàng, trong lòng hai bông lúa thêu ngôi sao vàng năm cánh; thân sau may chắp cầu vai, mỗi bên xếp một ly. Áo dài dài tay may măng séc cài

		cúc nhựa. Đai áo thân trước và thân sau mỗi bên xếp một ly, mỗi bên sườn đính hai cúc nhựa. Phù hiệu lực lượng gắn trên cánh tay trái áo. - Áo xuân hè dài tay Nữ: Áo may kiểu sơ mi, chiết ly, cổ bẻ; thân trước may hai túi dưới ốp ngoài, miệng túi chéo; nẹp áo có một hàng cúc năm chiếc bằng nhựa cùng màu áo; may bật vai, cuối bật vai thêu hai bông lúa chéo cuống màu vàng, trong lòng hai bông lúa thêu ngôi sao vàng năm cánh; thân sau may chắp sống lưng. Áo dài dài tay may măng séc cài cúc nhựa. Phù hiệu lực lượng gắn trên cánh tay trái áo. - Chi tiết mẫu Phù hiệu tại Phụ lục II Kèm theo Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ
7	Quần áo thu đông	- Chất liệu: May bằng vải Vải gabadin màu cỏ úa ánh nâu, kiểu dệt chéo 2/1. Thành phần sợi tỷ lệ Pes/Vis 65/35 $\pm$ 2%; Trọng lượng: 220gr/m² - 3% đến +5%; Mật độ sợi dọc 285/10cm - 3% đến +5%; Sợi ngang 220/10cm - 3% đến +5%; Độ bền kéo đứt vải: Theo chiều dọc $\geq$ 1200N; Theo chiều ngang $\geq$ 800N; Độ bền màu giặt ở 60°C thay đổi màu cấp 4, dây màu cấp 4; Độ bền màu ánh sáng nhân tạo cấp 5. Độ thay đổi kích thước sau giặt ở 60°C theo chiều dọc $\pm$2,5%, theo chiều ngang $\pm$1,5% Chi tiết kiểu dáng, thiết kế bộ quần áo như sau: - Áo thu đông dành cho Nam: + Áo kiểu veston, cổ bẻ ve; thân trước may bốn túi ốp ngoài, có nắp; + Nẹp áo có một hàng cúc bốn chiếc bằng nhựa cùng màu áo; + May bật vai, cuối bật vai thêu hai bông lúa chéo cuống màu vàng, trong lòng hai bông lúa thêu ngôi sao vàng năm cánh; + Thân sau may chắp sống lưng, xẻ sống; tay kiểu hai mang, bảc tay may lật ra ngoài; + Thân trước bên trong có lót; phía trong trên ngực mỗi bên bỏ một túi; phù hiệu lực lượng gắn trên cánh tay trái áo. - Quần thu đông dành cho Nam: + Quần kiểu cạp rời, hai túi sườn chéo; + Thân trước mỗi bên xếp hai ly lật về phía dọc quần; + Cửa quần may khóa kéo; cạp quần may sáu địa; + Thân sau mỗi bên may một chiết, bỏ hai túi viền. - Áo thu đông dành cho Nữ: + Áo kiểu veston, cổ bẻ ve; thân trước may hai túi dưới ốp ngoài, có nắp;

		+ Nẹp áo có một hàng cúc bốn chiếc bằng nhựa cùng màu áo; + May bật vai, cuối bật vai thêu hai bông lúa chéo cuống màu vàng, trong lòng hai bông lúa thêu ngôi sao vàng năm cánh; + Thân sau may chắp sống lưng, xẻ sống; tay kiểu hai mang, bác tay may lật ra ngoài; + Thân trước bên trong có lót; phù hiệu lực lượng gắn trên cánh tay trái áo. - Quần thu đông dành cho Nữ: + Quần kiểu cạp rời, hai túi sườn chéo; + Thân trước mỗi bên xếp hai ly lật về phía dọc quần; + Cửa quần may khoá kéo; thân sau mỗi bên may một chiết; + Cạp quần may sáu địa. Chi tiết mẫu quần áo thu đông tại Phụ lục I Kèm theo Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ. - Phù hiệu: + Phù hiệu có hình lá chắn cao 90 mm, rộng 75 mm; + Phía trên nền phù hiệu có hàng chữ: “BẢO VỆ AN NINH TRẬT TỰ”; + Phía dưới nền phù hiệu có hình hai bông lúa xếp chéo cuống; + Nền phù hiệu màu xanh lục; chữ, đường viền phù hiệu và bông lúa màu vàng. - Chi tiết mẫu Phù hiệu tại Phụ lục II Kèm theo Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ
8	Áo ấm	- Chất liệu: Vải gabadin màu cỏ úa ánh nâu, kiểu dệt chéo 2/1. Thành phần sợi tỷ lệ Pes/Vis 65/35 $\pm$ 2%; Trọng lượng: 220gr/m² - 3% đến +5%; Mật độ sợi dọc 285/10cm - 3% đến +5%; Sợi ngang 220/10cm - 3% đến +5%; Độ bền kéo đứt vải: Theo chiều dọc $\geq$ 1200N; Theo chiều ngang $\geq$ 800N; Độ bền màu giặt ở 60°C thay đổi màu cấp 4, dây màu cấp 4; Độ bền màu ánh sáng nhân tạo cấp 5. Độ thay đổi kích thước sau giặt ở 60°C theo chiều dọc $\pm$2,5%, theo chiều ngang $\pm$1,5% - Kiểu dáng: + Áo gồm 5 lớp, cổ bẻ, không ve, thắt đai lưng. + Lớp lót chần bông được gắn với vỏ ngoài bằng khoá kéo; + Thân trước may hai túi ngực ốp ngoài, nắp túi sồi nhọn cài cúc nhựa cùng màu áo, phía dưới eo bỏ hai túi coi chéo; nẹp áo có một hàng cúc 5 chiếc bằng nhựa cùng màu áo; + May bật vai, cuối bật vai thêu hai bông lúa chéo cuống màu vàng, trong lòng hai bông lúa thêu ngôi sao vàng năm cánh;

		+ Thân sau may cúp cầu vai; tay kiểu hai mang, may cá tay; tay áo lót có đính cúc cài với áo, may chun cửa tay; phù hiệu lực lượng gắn trên cánh tay trái áo. Phù hiệu có hình lá chắn cao 90 mm, rộng 75 mm; phía trên nền phù hiệu có hàng chữ “BẢO VỆ AN NINH TRẬT TỰ”; phía dưới nền phù hiệu có hình hai bông lúa xếp chéo cuống; nền phù hiệu màu xanh lục; chữ, đường viền phù hiệu và bông lúa màu vàng. - Chi tiết mẫu Phù hiệu tại Phụ lục II Kèm theo Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ
9	Áo sơ mi dài tay	Chất liệu: Vải Pôpolin màu cỏ úa ánh vàng; tỷ lệ pha 65% Polyester, 35% Visco; kiểu dệt vân điểm. Thành phần sợi: Pes/Vis 65/35 ± 2% Khối lượng vải 1 m²: 160gr/ m² -3% đến +5% Mật độ sợi dọc: 290 sợi/10cm -3% đến +5% Mật độ sợi ngang: 240 sợi/10cm -3% đến +5% Độ bền kéo đứt theo chiều dọc ≥ 900N; theo chiều ngang ≥ 650N Độ bền màu giặt ở 60 °C; thay đổi màu ≥ cấp 4; dây màu ≥ cấp 4 Độ bền màu ánh sáng nhân tạo ≥ cấp 5 Thay đổi kích thước sau giặt ở 60°C: Theo chiều dọc -2,5% đến +2,5%; theo chiều ngang -1,5% đến + 1,5% Chi tiết kiểu dáng, thiết kế áo như sau: - Áo sơ mi dành cho Nam: + Kiểu sơ mi, cổ đứng; thân trước bên trái may một túi ốp; + Nẹp may gấp vào trong, cài sáu cúc nhựa cùng màu áo (năm cúc nẹp và một cúc chân cổ); + Thân sau may cầu vai rời, xếp hai ly; + Tay dài có măng séc cài cúc, cửa tay xếp bốn ly (mỗi bên xếp hai ly) lật về phía thếp tay, thếp tay có cài cúc; gấu áo thẳng. - Áo sơ mi dành cho Nữ: + Kiểu sơ mi, cổ đứng, nẹp may gấp vào trong, thân trước mỗi bên may một chiết eo, một chiết sườn; + Nẹp áo có hàng cúc nhựa sáu chiếc cùng màu áo (năm cúc nẹp và một cúc chân cổ); + Thân sau may chiết hai ly; + Tay dài có măng séc cài cúc, cửa tay xếp hai ly (mỗi bên xếp một ly) lật về phía viền cửa tay; gấu áo thẳng. - Chi tiết mẫu áo sơ mi tại Phụ lục I Kèm theo Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ.
10	Caravat	- Chất liệu: May bằng vải Vải gabadin màu cỏ úa ánh nâu, kiểu dệt chéo 2/1. Thành phần sợi tỷ lệ Pes/Vis 65/35 ± 2%; Trọng

		lượng: 220gr/m² - 3% đến +5%; Mật độ sợi dọc 285/10cm - 3% đến +5%; Sợi ngang 220/10cm - 3% đến +5%; Độ bền kéo đứt vải: Theo chiều dọc $\geq 1200\text{N}$; Theo chiều ngang $\geq 800\text{N}$; Độ bền màu giặt ở 60°C thay đổi màu cấp 4, dây màu cấp 4; Độ bền màu ánh sáng nhân tạo cấp 5. Độ thay đổi kích thước sau giặt ở 60°C theo chiều dọc $\pm 2,5\%$, theo chiều ngang $\pm 1,5\%$ - Thân ca ra vát hình mái chèo, củ ấu có cốt nhựa định hình, sử dụng khóa kéo có chốt hãm. - Chi tiết ca ra vát tại Phụ lục I Kèm theo Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ.
11	Dây lưng	- Dây màu nâu, bằng da bò. - Mặt khóa màu vàng; - Cuối dây bo tròn; - Mặt trong cuối dây có rãnh hãm khóa, có dây giữ đai đĩa phía đầu dây; - Thân khóa bằng hợp kim đúc liền khối gắn với dây bằng khóa chốt, mặt khóa đúc nổi chữ “ANTT” cách điệu nằm trong hình ô-van. - Chi tiết mẫu thắt lưng tại Phụ lục I Kèm theo Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ - Tiêu chuẩn thử nghiệm: + Da bò: Độ ẩm: $\leq 18\%$; Độ bền kéo đứt: $\geq 25 \text{ N/mm}^2$; Độ giãn dài khi kéo đứt $\geq 30\%$; Hàm lượng chất hòa tan trong Ete etyl: 4-5%; Độ bền bề mặt: Không cho phép rạn nứt.
12	Giày da	- Giày da nam: + Giày da nam chất liệu da bò, màu đen, ngắn cổ, có bốn cặp lỗ ô dê buộc dây cố định; + Mũ giày kiểu vân ngang; + Đế giày bằng cao su đúc định hình; + Mặt đế có hoa văn. - Giày da nữ: + Giày da nữ chất liệu da bò, màu đen, ngắn cổ, có bốn cặp lỗ ô dê buộc dây cố định; + Hai bên mang trong, ngoài có chun co giãn; + Mũ giày kiểu oxford, lặc liền không vân ngang; + Đế giày bằng chất liệu TPR (Thermoplastic Rubber), đúc liền gót và đế, lỗ gót dùng nhựa ABS; + Mặt đế có hoa văn. - Chi tiết mẫu giày da tại Phụ lục I Kèm theo Nghị định số

		40/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ - Tiêu chuẩn thử nghiệm: Da bò: Độ ẩm: $\leq 18\%$; Độ dày (1,5÷1,8) mm; Độ bền kéo đứt: ≥ 20 N/mm²; Độ giãn dài khi kéo đứt $\leq 60\%$; Độ bền xé rách: ≥ 50 N/mm; Hàm lượng chất hòa tan trong Ete etyl: 4-5%; Hàm lượng Cr₂O₃: 3-4%; + Đế giày Nam cao su: Độ bền kéo đứt (Nguyên thủy ≥ 1.500 N/cm², sau lão hóa ≥ 1.200 N/cm²); Độ giãn dài khi đứt Nguyên thủy $\geq 450\%$, sau lão hóa $\geq 350\%$); Độ biến hình sau khi kéo đứt $> 15\%$; Khối lượng riêng từ 1,0 ÷ 1,2gr/ cm³; Độ cứng (Nguyên thủy khoảng 65±5, sau lão hóa: khoảng 70±5); Lượng mài mòn Acron: ≤ 1 + Đế giày Nữ TPR: Độ bền kéo đứt ≥ 390 N/cm²; Độ giãn dài khi đứt $\geq 300\%$; Lượng mài mòn Acron: ≤ 1 + Da lót: Độ dày (0,8÷1,0) mm; Độ ẩm da $\leq 18\%$; Độ bền kéo đứt từ ≥ 20 N/mm²; Độ giãn dài khi kéo đứt $\geq 30\%$; Độ bền xé rách ≥ 40 N/mm; Hàm lượng chất hòa tan trong Ete etyl: 4-5%;
13	Dép nhựa	Dép màu nâu ánh đỏ sẫm; dép bằng nhựa, có ba quai ngang, hở mũi, bít gót, có quai cài; quai dép được đúc liền với mặt đế; mặt đế được tạo hoa văn chống trơn trượt. Chi tiết mẫu giày da tại Phụ lục I Kèm theo Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ
14	Bít tất	- Màu cổ ủa ánh nâu; - Cổ chun dẹt Rip 1:1, dài ống và mu bàn chân dẹt Rip 2:1, gan bàn chân và gót mũi dẹt kiểu single. - Chi tiết mẫu bít tất tại Phụ lục I Kèm theo Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ Tiêu chuẩn thử nghiệm: Trọng lượng: 40±5gr/đôi Thành phần: Polyeste: 65 ± 5% Cotton: 25 ± 2% Polyamit: 5 ± 2% Cao su: 2 ± 1% Spandex: 3 ± 1% Độ bền màu giặt: cấp 4-5 Độ bền màu ma sát: cấp 4-5 Độ nén tất tại cổ chun: > 20 cN/cm²
15	Quần áo đi mưa	* Vải may quần áo mưa sử dụng vải Vinilon tráng nhựa PVC màu cổ ủa. - Màu cổ ủa. vải Vinilon tráng nhựa PVC màu cổ ủa; Độ dày 0,17mm (dung sai $\pm 0,01$); Độ bền kéo đứt nguyên thủy: theo

		chiều dọc $\geq 700\text{N}$, theo chiều ngang $\geq 370\text{N}$; Độ bền kéo đứt sau lão hóa $70^{\circ}\text{C} \times 72\text{h}$: theo chiều dọc $\geq 690\text{N}$, theo chiều ngang $\geq 360\text{N}$; Kháng thủy áp suất thấp nguyên thủy, sau lão hóa $70^{\circ}\text{C} \times 72\text{h}$ (500mm H₂O x 1h): Không thấm; khối lượng vải 165g/m^2 (dung sai -3% đến +5%); Độ bền màu giặt ở 60°C (C3): thay đổi màu ≥ 4, dây màu ≥ 4; Độ bền ma sát khô ≥ 4; Độ bền ma sát ướt ≥ 3. + Áo kiểu Jacket, cổ bẻ không chân, có khoá kéo, bên ngoài may nẹp che khoá có một hàng cúc bấm sáu chiếc bằng đồng. Thân sau cầu vai rời, bên trong có lớp vải lưới may liền thân sau để thoát khí, chân cầu vai và ngực phải áo gắn biển phản quang có hàng chữ “BVANTT” màu đỏ trên nền vàng nhạt. Tay áo kiểu một mang, cổ tay may chun. Mũ rời gắn với áo bằng cúc bấm. + Quần kiểu bà ba, cạp chun. Các đường may chập của áo và quần có dán băng keo bên trong chống thấm nước.
--	--	---

❖ Các lưu ý về hàng hóa cung cấp:

- Toàn bộ trang phục và phụ kiện cung cấp phải mới 100%, sản xuất năm 2026 và theo tiêu chuẩn số đo từng người.

- Nhà thầu phải cung cấp các chứng chỉ cần thiết đối với nguyên liệu cung cấp như: Nguồn gốc xuất xứ rõ ràng (mã hiệu, hãng, nước, năm sản xuất), các thông số kỹ thuật của vải, ...

- Nhà thầu phải cung cấp các kết quả cơ lý/thử nghiệm cần thiết đối với nguyên liệu cung cấp để chứng minh hàng hóa đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. Cụ thể:

+ Đối với chất liệu vải của Mũ mềm (Huy hiệu cài mũ), Mũ cứng(Huy hiệu cài mũ), Mũ bông, Quần áo xuân hè, Áo xuân hè dài tay, Quần áo thu đông, Áo ấm, Áo sơ mi dài tay, caravat: Có kết quả cơ lý/thử nghiệm thành phần chất liệu các loại vải trong vòng 01 năm trở lại đây (tính đến thời điểm đóng thầu) của cơ quan/đơn vị có thẩm quyền.

+ Đối với chất liệu dây lưng: Có kết quả cơ lý/thử nghiệm thành phần chất liệu da bò trong vòng 01 năm trở lại đây (tính đến thời điểm đóng thầu) của cơ quan/đơn vị có thẩm quyền.

+ Đối với chất liệu giày da: Có kết quả cơ lý/thử nghiệm thành phần chất liệu da bò, đế giày nam cao su, đế giày nữ TPR, da lót trong vòng 01 năm trở lại đây (tính đến thời điểm đóng thầu) của cơ quan/đơn vị có thẩm quyền.

+ Đối với chất liệu nút thắt: Có kết quả cơ lý/thử nghiệm trong vòng 01 năm trở lại đây (tính đến thời điểm đóng thầu) của cơ quan/đơn vị có thẩm quyền.

+ Đối với chất liệu quần áo đi mưa: Có kết quả cơ lý/thử nghiệm thành phần chất liệu các loại vải trong vòng 01 năm trở lại đây (tính đến thời điểm đóng thầu) của cơ quan/đơn vị có thẩm quyền.

- Hàng hóa được cung cấp tới địa điểm yêu cầu của E-HSMT phải trong dạng đóng gói của Nhà sản xuất; các thông số bên trong phải phù hợp với đặc tính kỹ thuật được thỏa thuận trong hợp đồng. Bất kỳ sự thay đổi nguồn gốc, chủng loại, quy cách kỹ thuật nào sẽ không được chấp thuận.

- Nhà thầu phải đảm bảo có thiết bị phụ kiện thay thế sẵn sàng cho các hàng hóa cung cấp trong trường hợp hàng hóa cung cấp có sự cố để đảm bảo việc sử dụng không gián đoạn.

1.3. Các yêu cầu khác

1.3.1. Các yêu cầu khác về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về nhân sự, phạm vi cung cấp, yêu cầu về tiến độ cung cấp, biện pháp triển khai, quy định hàng hóa...theo quy định chi tiết tại Mục 2, Mục 3: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật; Chương III: Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT.

1.3.2. Các yêu cầu khác về phương thức thanh toán, yêu cầu về cung cấp tài chính và điều kiện tín dụng kèm theo, yêu cầu về dịch vụ liên quan như vận chuyển, bàn giao, kiểm tra, nghiệm thu...cũng như yêu cầu về vật tư thay thế khi hỏng hóc và dịch vụ sau bán hàng quy định tại Chương VII - Điều kiện cụ thể của hợp đồng.

1.3.3. Khả năng thích ứng về địa lý và tác động đối với môi trường: Nhà thầu phải bảo đảm hàng hóa cung cấp cho gói thầu thích ứng, phù hợp về địa lý, hoạt động ổn định trong điều kiện khí hậu Việt Nam, không làm hủy hoại môi trường, không làm ảnh hưởng, độc hại đến người sử dụng. Trường hợp hàng hóa được cung cấp có ảnh hưởng tác động đến môi trường, nhà thầu phải có đề xuất biện pháp xử lý, giải quyết hợp lý, phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

1.3.4. Yêu cầu về bảo mật thông tin:

Giữ bí mật và không được cung cấp cho bên thứ ba các nội dung, thông tin liên quan đến gói thầu.

Mục 2. Bản vẽ: Không có.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

3.1. Thời gian, địa điểm: Theo thỏa thuận giữa hai bên và tiến độ cung cấp hàng hóa theo cam kết của nhà thầu tại E-HSDT.

3.2. Cách thức tiến hành:

3.2.1. Kiểm tra chủng loại, số lượng, phụ kiện đồng bộ kèm theo, nhãn mác, nguồn gốc xuất xứ, catalogue hàng hóa theo quy định tại E-HSMT và Hợp đồng mua bán.

3.2.2. Kiểm tra, thử nghiệm về tính năng, thông số kỹ thuật.

3.2.3. Kiểm tra tài liệu giấy tờ kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa gồm:

3.2.3.6 Kiểm tra và thử nghiệm khác (nếu có):

- Toàn bộ hàng hóa phải được thử nghiệm nếu có, kiểm tra để chứng tỏ rằng hàng hóa thỏa mãn toàn bộ các yêu cầu của điều kiện kỹ thuật này. Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ các hàng hóa, dụng cụ cần thiết, lao động và các phí tổ chức thử nghiệm cần thiết khác để tiến hành thử nghiệm hàng hóa bằng chi phí của mình, kể cả chi phí thay thế mới các chi tiết bị hư hỏng hay buộc phải hư hỏng sau sử dụng, kể cả chi phí điện thử nghiệm. Các chi phí này cần đưa vào ngay đề xuất tài chính của nhà thầu khi chào hàng. Nếu trong E-HSDT không chỉ rõ chi phí này thì được hiểu là đã bao gồm trong giá các thiết bị có liên quan.

- Toàn bộ các thử nghiệm phải tiến hành với sự có mặt của giám sát và của cơ quan có thẩm quyền về nghiệm thu.

- Chủ đầu tư có quyền tiến hành các kiểm tra bổ sung. Nếu có kết quả không đúng theo E-HSMT thì chi phí kiểm tra bổ sung nhà thầu phải chịu, cũng như mọi chi phí sửa chữa cho tới khi hoàn chỉnh.

Cách thức xử lý đối với các hàng hóa không đạt yêu cầu qua kiểm tra, thử nghiệm: Các hàng hóa không đạt yêu cầu kỹ thuật (không đúng thiết kế, không phù hợp với tài liệu hướng dẫn vận hành của nhà sản xuất, không đáp ứng quy định của tiêu chuẩn quy phạm kỹ thuật áp dụng ...) sẽ bị từ chối nghiệm thu và phải chuyển khỏi địa điểm nghiệm thu trong vòng 01 ngày. Trường hợp phát hiện ra bất cứ sự mất mát hư hỏng, không đúng chủng loại, không đúng chất lượng, quy cách hai bên sẽ lập biên bản. Khi đó Chủ đầu tư có quyền không nhận hàng, nhà thầu phải thực hiện việc thay thế, sửa chữa, bổ sung các khiếm khuyết này chậm nhất trong vòng 48 (bốn tám) giờ và phải chịu mọi phí tổn cho việc cung cấp hàng thay thế, sửa chữa các sai sót phát sinh.